

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 /01/ 2018

Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lâm Tới

- Ông Đỗ Minh Sang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Kim Sol, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 287/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Néang D, sinh năm 1991; cư trú: Ấp S, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (Có đơn xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Chau R, sinh năm 1988; cư trú: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt);

3. *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà Dung, cán bộ Đài phát thanh huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Néang D trình bày: Chị D và anh R chung sống có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kéo dài không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay Chị D không còn tình cảm với anh R, nên yêu cầu ly hôn với anh R.

Trong thời gian chung sống, chị Néang D và anh Chau R có một đứa con chung tròn 7 tuổi tên Néang Tha R, sinh ngày 08/01/2010. Hiện nay anh R đang nuôi con chung, khi ly hôn chị D tự nguyện để con cho anh Chau R nuôi dưỡng và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Chau R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh R vẫn từ chối không đến Tòa án để trình bày ý kiến nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai được. Qua xác minh tại địa phương và bà Neàng N là mẹ ruột Chau R cho biết, Chau R hiện đi làm thuê, thỉnh thoảng vẫn về nhà với con gái Neang Tha R, Chau R vẫn còn hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã A, huyện T, An Giang.

Tại phiên tòa, do các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán đã hấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không thu thập được lời khai do vắng mặt.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có một đứa con chung tên Néang Tha R, sinh ngày 08/01/2010. Khi ly hôn chị D giao con cho anh Chau R nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung, và cháu Neang Tha Ri có tự khai nguyện vọng sống với cha ruột Chau R nên tiếp tục giao con cho anh R nuôi là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Chau R đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt và chị Neang D có đơn yêu cầu xử vắng mặt, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Néang D và anh Chau R có đăng ký kết hôn ngày năm 2009 nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Tuy nhiên, do cuộc sống chung không hòa hợp nên cả hai đã tự nguyện chấm dứt quan hệ từ năm 2012 đến nay. Quá trình ly thân đến nay cả hai đã không còn liên lạc, hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sống, không còn yêu thương quan tâm nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Neang D với anh Chau R.

[4] Về con chung: Từ lúc ly thân chị D đã giao con cho anh Chau R nuôi dưỡng, và khi khởi kiện chị có ý kiến đồng ý tiếp tục cho Chau R nuôi con chung, chị không phải cấp dưỡng. Mặc dù không ghi được lời khai của Chau R, tuy nhiên qua xác minh, cháu Neang Tha R có nguyện vọng sống với cha, bà Neang N (mẹ Chau R) và địa phương cũng xác nhận cháu Neang Tha R đang sống với Chau Ranh, vì vậy nghĩ nên tôn trọng nguyện vọng của cháu, tiếp tục giao cháu Neang Tha R cho anh Chau R được nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục.

Chị Neang D và Anh Chau R cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Neang D khai không có, tuy nhiên do không thu thập được lời khai của bị đơn nên chưa đủ căn cứ xác định về tài sản, về nợ, khi nào các đương sự có tranh chấp hoặc có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Chị Néang D có giấy chứng nhận hộ nghèo nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi khởi kiện và không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Néang D được ly hôn với anh Chau R.

Về con chung: Anh Chau R được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Néang Tha R, sinh ngày 08/10/2010 và chị Néang D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Neang D và Anh Chau R cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Chị Néang D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Neang D, Bị đơn Chau R là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà